

Một số vấn đề phương pháp luận trong xây dựng bộ chỉ số về bình đẳng giới ở Việt Nam

Nguyễn Hữu Minh*, Trần Thị Hồng**

Tóm tắt: Bộ chỉ số về bình đẳng giới là hệ thống các chỉ số đo lường kết quả việc thực hiện chiến lược/chương trình phát triển kinh tế - xã hội từ khía cạnh giới, thông qua việc thu thập và phân tích thông tin tách biệt theo giới tính về những người tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động phát triển. Bộ chỉ số này là công cụ hữu hiệu trong quá trình đánh giá thực hiện bình đẳng giới, đồng thời giám sát việc thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030. Trong thời gian qua, đã có một số dữ liệu thống kê về giới làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ thực hiện chính sách bình đẳng giới, tuy nhiên, hiện chưa có một bộ chỉ số bình đẳng giới hoàn chỉnh. Bài viết này trình bày khái niệm và phương pháp tính chỉ số bình đẳng giới, một số cách tiếp cận cơ bản đối với việc xây dựng bộ chỉ số bình đẳng giới cùng kinh nghiệm quốc tế và cơ sở pháp lý về vấn đề này. Trên cơ sở đó, bài viết sẽ giới thiệu khung phân tích làm cơ sở cho việc xây dựng bộ chỉ số bình đẳng giới ở Việt Nam với hai khối chỉ số chủ yếu là kết quả bình đẳng giới và hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới.

Từ khóa: chỉ số; bình đẳng giới; thống kê giới; Việt Nam.

Ngày nhận 20/12/2021; ngày chỉnh sửa 23/02/2022; ngày chấp nhận đăng 30/8/2022

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn8.4.NguyenHuuMinh-TranThiHong>

1. Giới thiệu

Bình đẳng giới (BDG) là mục tiêu mà Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới hướng đến và được coi là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển của một xã hội. Trong các Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, BDG và trao quyền cho phụ nữ được xác định vừa là mục tiêu, vừa là một phần của giải pháp để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững khác, là yếu tố góp phần vào sự thịnh vượng của xã hội.

* Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

email: minhnguyen.ifgs@gmail.com

** Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Trong những thập kỷ gần đây, cùng với những thành tựu về kinh tế, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về BDG. Trong lĩnh vực kinh tế, sau Thái Lan, Việt Nam có tỷ lệ nữ trong hội đồng quản trị của các công ty niêm yết công khai cao nhất khu vực ASEAN (UN Women và cộng sự 2021). Năm 2021 đánh dấu một bước tiến rất cơ bản về sự tham gia của phụ nữ trong quốc hội, với tỷ lệ 30,26% đại biểu quốc hội là phụ nữ. Đây là tỷ lệ cao nhất tính từ nhiệm kỳ Quốc hội khoá VI trở lại đây và là lần thứ hai tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam đạt trên 30% (lần đầu tiên là Quốc hội khoá V, đạt 32,31%), đưa Việt Nam lên vị trí thứ 51 của thế giới và đứng đầu trong Hội đồng Liên minh Nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội

(Long Hồ 2021). Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc đảm bảo BDG. Báo cáo *Khoảng cách giới toàn cầu năm 2018* của Diễn đàn kinh tế thế giới cho biết Việt Nam đã giảm từ thứ 70 năm 2017 về tiến bộ đối với BDG xuống thứ 77 trong số 149 quốc gia¹ (World Economic Forum 2018). Khoảng cách về giới vẫn còn tồn tại ở nhiều lĩnh vực. Cụ thể, tỷ lệ phụ nữ làm việc trong các ngành nghề thu nhập thấp với điều kiện làm việc kém còn cao; tình trạng bạo lực và lạm dụng tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn xảy ra ở nhiều khu vực trên cả nước.

Việt Nam đã và đang nỗ lực trong việc thúc đẩy BDG, hướng tới phát triển xã hội bền vững, thịnh vượng. Mục tiêu Chiến lược Quốc gia về BDG giai đoạn 2021-2030 (viết tắt là Chiến lược BDG 2021-2030) đặt ra là “tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước”. Trong bối cảnh đó, các dữ liệu cơ bản về BDG có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm rõ thực trạng quan hệ giới và những tiến bộ của phụ nữ trên các lĩnh vực hiện nay ở Việt Nam. Các dữ liệu này sẽ làm căn cứ cho việc tổng kết thực hiện chính sách giai đoạn hiện nay và đề xuất các khuyến nghị xây dựng các chính sách về BDG và phát triển kinh tế xã hội phù hợp trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay số liệu thống kê giới ở Việt Nam trên các lĩnh vực còn nhiều thiếu hụt. Nhiều chỉ tiêu tại hệ thống báo cáo định kỳ từ các bộ/ ngành không có số liệu phân tách giới hoặc số liệu chưa phân tổ đầy đủ theo trục nam - nữ. Các số liệu thu thập từ các cuộc điều tra mẫu của Tổng cục

Thống kê khó đưa ra các ước lượng chính xác cho các phân tổ chi tiết về giới ở các nhóm yếu thế (dân tộc thiểu số, người khuyết tật, phụ nữ nghèo, v.v.). Bên cạnh đó, những thiếu hụt trong chất lượng và số lượng dữ liệu đầu vào dẫn đến tình trạng không có thông tin về các chỉ số, làm hạn chế hiệu quả của các chiến lược, chính sách hiện nay. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng bộ chỉ số về BDG nhằm đánh giá việc thực hiện chính sách BDG là rất quan trọng. Chỉ số là một công cụ đo lường về các khía cạnh cụ thể của một vấn đề nào đó, thường được thể hiện bằng số liệu, tỷ lệ, tỷ số, tỷ suất. Xây dựng bộ chỉ số về BDG chính là đưa ra hệ thống các chỉ số cụ thể, tạo điều kiện để các tổ chức/cơ quan có thể đánh giá một cách hiệu quả việc thực hiện BDG. Bộ chỉ số này sẽ là công cụ hữu hiệu trong quá trình theo dõi, giám sát việc thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030, đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời giúp so sánh, đánh giá vấn đề giới trong tiếp cận an sinh xã hội ở Việt Nam so với các quốc gia khác trong khu vực và trên quốc tế.

Từ nguồn tài liệu tổng quan các nghiên cứu đã có và văn bản chính sách, pháp luật trong nước và quốc tế, bài viết này tập trung phân tích một số vấn đề phương pháp luận trong việc xây dựng bộ chỉ số về BDG ở Việt Nam, trên cơ sở đó, bước đầu đề xuất khung phân tích cho bộ chỉ số.

2. Các khái niệm cơ bản và phương pháp xây dựng bộ chỉ số

Bình đẳng giới: Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó (Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2006).

¹ Báo cáo đo lường các quốc gia theo bốn loại: tham gia và cơ hội kinh tế; trình độ học vấn; sức khỏe sống còn; và, trao quyền chính trị.

Chỉ số đơn và chỉ số tổng hợp: Với tư cách là công cụ đo lường một khía cạnh cụ thể của tiêu chí/chi báo², chỉ số được tính toán thông qua việc thu thập, phân tích số liệu và chỉ ra mức độ chất lượng đạt được của tiêu chí. Có nhiều cách hiểu khác nhau về chỉ số, tuy nhiên trong bài viết này chỉ số được hiểu như sau: “Chỉ số là một công cụ cung cấp thông tin về hiện trạng và tiến bộ của một trường hợp, quá trình hoặc điều kiện cụ thể. Chúng cho phép tạo ra những kiến thức đơn giản, trực tiếp có thể tiếp cận được về một hiện tượng đặc biệt. Chúng có thể đơn giản hoặc phức tạp, phụ thuộc vào việc chúng là một tập hợp các dữ liệu chuyên biệt và chính xác hoặc là kết quả của một loạt các chỉ số đơn giản được tập hợp lại” (EAVI cho Ủy ban Châu Âu 2009, dẫn lại từ Bộ Thông tin và Truyền thông 2014).

Căn cứ vào phạm vi tính toán có thể phân ra thành chỉ số đơn và chỉ số tổng hợp. Chỉ số đơn nói lên thực trạng hay sự biến đổi của từng yếu tố, từng đơn vị cá biệt trong tổng thể. Chỉ số tổng hợp là chỉ số cung cấp bức tranh thực trạng hay sự biến đổi của tất cả các yếu tố, tất cả các đơn vị trong tổng thể. Các chỉ số tổng hợp ngày càng trở thành công cụ hữu hiệu, được sử dụng trong phân tích chính sách và chuyển tải thông tin đến công chúng. Ở nhiều quốc gia và khu vực, các chỉ số này được tính toán để đánh giá, so sánh thành tựu phát triển giữa các khu vực, vùng miền, địa phương cũng như giữa các chiều cạnh, mục tiêu phát triển. Giữa chỉ số tổng hợp và chỉ số đơn có thể có các chỉ số thành phần, có nghĩa là, một chỉ số tổng hợp bao gồm một số chỉ số thành phần và mỗi chỉ số thành phần bao gồm một số chỉ số đơn.

Chỉ số tổng hợp được xây dựng bằng cách tích hợp các chỉ số thành phần/đơn.

Nhiều chỉ số và nhóm chỉ số hình thành nên bộ chỉ số. Nói cách khác đây là đại lượng được tổng/tích hợp bằng nhiều phương pháp khác nhau (Boulanger 2008). Mối liên hệ giữa các chỉ số trong chỉ số tổng hợp được xác định trên cơ sở khung lý thuyết nhằm đo lường và phân tích các chiều cạnh khác nhau. Các chỉ số phụ thuộc vào mức độ chính xác, không gian, thời gian và đơn vị đo lường, đảm bảo tính linh hoạt để có thể phản ánh được các điều chỉnh chính sách. Do đó, các chỉ số sử dụng đơn vị đo lường khác nhau thường phải được chuẩn hóa cũng như gán trọng số để hình thành nên các chỉ số tổng hợp. Bộ chỉ số đánh giá tác động còn đòi hỏi sự kết nối giữa các nhóm chỉ số với nhau, đảm bảo thống nhất giữa phương tiện và mục tiêu, là công cụ hữu hiệu cho hoạch định chính sách (UN 2007).

Bộ chỉ số về BDG và phương pháp xây dựng: Bộ chỉ số về BDG là chỉ số tổng hợp được xây dựng dựa trên các chỉ số thành phần đo lường kết quả việc thực hiện chiến lược/chương trình/dự án phát triển kinh tế - xã hội từ khía cạnh giới, thông qua việc thu thập và phân tích thông tin tách biệt theo giới tính về người tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động phát triển. Bằng việc sử dụng bộ chỉ số về BDG, Chính phủ có thể nhận biết các kết quả đạt được và những thiếu sót trong quá trình thực hiện, ra quyết định, huy động nguồn lực, từ đó có cơ sở giải trình đối với Quốc hội và người dân. Các chỉ số về giới có tính tới việc thu thập các số liệu định lượng và định tính, bao gồm cả những ý kiến và quá trình cần thiết để giám sát BDG trong một lĩnh vực cụ thể. Có thể có các chỉ số khách quan, độc lập với ý kiến, nhận định của cá nhân (thời gian làm công việc nội trợ; tỷ lệ cơ quan có cán bộ chủ chốt, v.v.). Tuy nhiên cũng có các chỉ số chủ quan, phản ánh nhận thức, đánh giá của người dân về BDG (như hiểu biết về giới, hiểu biết về luật, v.v.).

² Là tham số/ biến số cung cấp thông tin về một vấn đề, hiện tượng.

Có nhiều phương pháp để xác định hệ thống các chỉ số đơn quan trọng nhất về BDG. Một trong các phương pháp lựa chọn các chỉ số đơn đưa vào xây dựng chỉ số tổng hợp về BDG là được thực hiện qua việc phân tích lý thuyết và tính toán các hệ số hồi quy về khả năng tác động của các chỉ số đơn đến chỉ số tổng hợp. Tuy nhiên, yêu cầu cơ bản của phương pháp này là phải có các số liệu đầu vào mang tính hệ thống, có nghĩa là phải có thông tin về tất cả các chỉ số đơn có khả năng được tính vào chỉ số tổng hợp. Một phương pháp khác rất hữu hiệu chính là dựa trên đánh giá của các chuyên gia. Với kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu nhiều năm về BDG các chuyên gia sẽ đưa ra những ý kiến xác đáng nhằm xác định chỉ số đơn nào là quan trọng đối với mỗi chỉ số thành phần cũng như chỉ số tổng hợp về BDG.

Các chỉ số đơn về BDG được gán cho trọng số thích hợp để tính toán các chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp dựa trên khung phân tích. Việc chọn trọng số cho xây dựng chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp có thể thông qua nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào chỉ số tổng hợp cụ thể, chẳng hạn như các phương pháp: trọng số bằng nhau, phân tích nhân tố, chuyên gia cho điểm, ý kiến người dân. Việc tính trọng số bằng những phương pháp đơn giản, dễ hiểu thường được ưu tiên. Thông thường, chỉ số BDG sẽ nhận giá trị 0 khi không có BDG và nhận giá trị 1 khi BDG ở mức cao nhất. Một số chỉ số đơn được chuẩn hóa nếu giá trị của nó tỷ lệ nghịch với BDG. Các chỉ số đều được xác định tương ứng với các cấp mục tiêu, trong đó chia làm hai loại chỉ số chính là chỉ số thực hiện/hoạt động và chỉ số kết quả. Chỉ số thực hiện/hoạt động quan tâm đến quá trình thực hiện mục tiêu. Chỉ số kết quả tập trung vào đo lường mức độ đạt được các cấp mục tiêu. Ngoài ra, còn có các chỉ số

để đánh giá như chỉ số đo lường hiệu quả hay chỉ số đo lường mức độ rủi ro trong quá trình thực hiện.

Trong phạm vi bài viết này, bộ chỉ số về BDG được xây dựng phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của xã hội Việt Nam, nhằm phục vụ việc phân tích, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện BDG ở Việt Nam, giúp cơ quan chức năng có cơ sở đề xuất giải pháp thúc đẩy BDG, đáp ứng mục tiêu an sinh quốc gia trong giai đoạn 2021-2030. Bộ chỉ số sẽ được xây dựng trên các nguyên tắc đơn giản, có thể đo lường được, phù hợp với quan điểm, luật pháp của nhà nước cũng như tình hình thực tiễn, đảm bảo tính khoa học và thống nhất trong xây dựng.

3. Cơ sở lý luận xây dựng bộ chỉ số về bình đẳng giới

Hai cách tiếp cận lý thuyết cơ bản được vận dụng để xây dựng bộ chỉ số BDG gồm cách tiếp cận bình đẳng và công bằng, cách tiếp cận năng lực.

3.1. Cách tiếp cận lý thuyết về bình đẳng và công bằng

Ba khung phân tích liên quan đến cách tiếp cận bình đẳng và công bằng được sử dụng gồm khung phân tích về bình đẳng xã hội của Baker và cộng sự (2004), khung phân tích của Pascall và cộng sự (2004) và khung phân tích về giới do Fraser (1997) đề xuất.

Trong khung phân tích về bình đẳng xã hội, Baker và cộng sự (2004) đã đề xuất quan điểm bình đẳng của điều kiện. Cách tiếp cận này nhấn mạnh đến ảnh hưởng của các nhân tố xã hội đến sự lựa chọn và hành động của con người. Khung phân tích này đề xuất 5 chiều cạnh về bình đẳng được xem là bao phủ hầu hết các vấn đề mà những người

theo chủ nghĩa bình đẳng hiện nay đang quan tâm tới gồm bình đẳng về sự công nhận và tôn trọng; bình đẳng về các nguồn lực; tình yêu, chăm sóc và độc lập; bình đẳng về quyền lực; và bình đẳng về việc làm và học tập (dẫn theo EIGE 2013). Khung phân tích do Pascall và cộng sự (2004) đề xuất lập bản đồ chính trị xã hội về BĐG với 5 lĩnh vực gồm việc làm được trả công; công việc chăm sóc; thu nhập; thời gian và tiếng nói/hay vị thế tham gia. Các tác giả lập luận rằng các chính sách BĐG bị giới hạn về hiệu quả vì chúng giải quyết chỉ một phần của hệ thống thay vì tổng thể hệ thống, đặc biệt, các trách nhiệm của cá nhân người phụ nữ đối với bình đẳng thu nhập. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc đảm bảo có một khung khái niệm về BĐG toàn diện (dẫn theo EIGE 2013).

Trong khung phân tích về giới do Fraser (1997) xây dựng, khái niệm công bằng giới đã được sử dụng thay cho khái niệm BĐG và các nguyên tắc được thiết lập để nhận diện một cách hệ thống về công bằng giới trong bối cảnh các mô hình nhà nước phúc lợi. Khái niệm công bằng chuyển từ phân bổ nhiệm vụ như nhau tới phân bổ nhiệm vụ một cách công bằng. Khái niệm này gợi ý rằng chỉ có thể đạt được BĐG khi cả phụ nữ và nam giới thay đổi lối sống và cách họ phân bổ mức độ tham gia vào hoạt động kinh tế và xã hội. Các chiều cạnh của công bằng giới là tổ hợp của 7 nguyên tắc riêng biệt, trong đó các hệ thống phúc lợi phải tuân thủ nhằm đáp ứng yêu cầu về BĐG gồm: chống lại đói nghèo, chống lại việc bị bóc lột, bình đẳng về thu nhập, bình đẳng về thời gian giải trí, bình đẳng về việc được tôn trọng, chống lại việc bị đẩy ra bên lề xã hội và chống lại quan điểm lấy nam giới làm trung tâm (anti-androcentric) (dẫn theo EIGE 2013). Ba khung phân tích của cách tiếp cận lý thuyết về bình đẳng và công bằng gợi ý về việc xây dựng các lĩnh vực phân

ánh được thực tiễn BĐG về thực chất. Các lĩnh vực này có thể khác nhau tùy thuộc bối cảnh từng khu vực.

3.2. Cách tiếp cận năng lực

Cách tiếp cận năng lực của Sen (1980, 1993) nhấn mạnh đến các cơ hội thực tế mà con người có để đạt được phúc lợi và một cuộc sống có giá trị. Khái niệm bình đẳng không coi trọng việc đánh đồng con người với sự phân phối các nguồn lực vật chất mà quan trọng hơn là cách thức các nguồn lực có thể được sử dụng để tạo ra cơ hội chọn lựa và bảo đảm phúc lợi của con người, bất chấp sự khác biệt về các điều kiện cá nhân. Tham số cho bình đẳng là các năng lực cần thiết để thực hiện những hoạt động có ý nghĩa và đạt được trạng thái tích cực. Cách tiếp cận của Sen không đề xuất một danh sách những năng lực cụ thể, vì theo quan điểm của ông, danh sách này không phụ thuộc vào các nhà lý thuyết mà là kết quả của một quá trình thảo luận dân chủ giữa các chủ thể có liên quan (Robeyns 2007).

Nussbaum (2003) đã mở rộng cách tiếp cận năng lực của Sen và ứng dụng vào phân tích giới. Bà cho rằng, một danh sách cụ thể các năng lực có liên quan nhất cần phải được xây dựng để cung cấp hướng dẫn rõ ràng và hữu ích. Do đó, bà đã xây dựng một danh sách các năng lực trung tâm của con người (về mặt nhu cầu và quyền lợi phổ quát của con người) mà mỗi người nên được đáp ứng đến một ngưỡng tối thiểu, ngay cả khi danh sách này chưa phải là bản cuối và phải được sửa đổi liên tục. Những năng lực này gồm cuộc sống, sức khỏe thể chất, sự toàn vẹn cơ thể, các giác quan, trí tưởng tượng và suy nghĩ, các cảm xúc, tư duy thực tiễn, sự liên kết, vui chơi, kiểm soát môi trường của một người, và giá trị bằng nhau của các cá nhân. Mỗi khả năng này được coi là quan

trọng thiết yếu đối với bình đẳng. Bỏ qua một hoặc nhiều trong số chúng được hiểu là thất bại trong công bằng giới (EIGE 2013).

Tương tự, Robeyns (2003) gợi ý về cách tiếp cận mang tính quy trình để định nghĩa các năng lực liên quan nhằm xác định những yếu tố cần đo lường và cách thức để quan sát bất bình đẳng. Robeyns đề xuất danh sách các năng lực về BĐG gồm: cuộc sống và sức khỏe thể chất, phúc lợi về tinh thần, an toàn và toàn vẹn thân thể, các quan hệ xã hội, trao quyền về chính trị, giáo dục và kiến thức, công việc nội trợ và việc chăm sóc không được trả công, công việc được trả công và các dự án khác, nơi trú ẩn và môi trường, tính di động, các hoạt động giải trí, tự chủ về thời gian, sự tôn trọng, và tôn giáo (EIGE 2013). Nói tóm lại, cách tiếp cận năng lực gợi ý về việc đo lường các điều kiện, cơ hội giúp đạt được sự bình đẳng thực sự. Hệ thống các điều kiện, cơ hội này được xác định tương đối linh hoạt, phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.

4. Cơ sở pháp lý xây dựng bộ chỉ số bình đẳng giới

Cùng với việc vận dụng các tiếp cận lý thuyết về BĐG, việc xây dựng bộ chỉ số BĐG cần dựa vào những quan điểm chủ yếu của Liên hợp quốc về BĐG như Công ước CEDAW (1979), Chương trình hành động Bắc Kinh (1995), Mục tiêu phát triển bền vững 2030 của Liên hợp quốc (2015), cũng như phù hợp với quan điểm BĐG trong các văn bản chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đặc biệt là Luật Bình đẳng giới (2006), Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2007), Hiến pháp 2013, v.v..

Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với Phụ nữ (CEDAW) vào ngày

18/12/1979, một tài liệu mang tính lịch sử xác định sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ là vi phạm các quyền cơ bản của con người. Phạm vi của công ước rất rộng và bao gồm nhiều vấn đề, chẳng hạn như định kiến và khuôn mẫu về vai trò giới (Điều 5), mại dâm (Điều 6), đời sống chính trị và công cộng (Điều 7), tính đại diện (representation) (Điều 8), giáo dục (Điều 10), việc làm (Điều 11), sức khỏe (Điều 12), hoặc đời sống hôn nhân và gia đình (Điều 16) (EIGE 2013).

Chương trình hành động Bắc Kinh (BPfA) năm 1995 nêu bật 12 lĩnh vực BĐG quan trọng cần được quan tâm đến gồm: phụ nữ và nghèo khổ, giáo dục và đào tạo cho phụ nữ, phụ nữ và sức khỏe, bạo lực đối với phụ nữ, phụ nữ và xung đột vũ trang, phụ nữ và nền kinh tế, phụ nữ trong quyền lực và việc ra quyết định, các cơ chế thể chế vì sự tiến bộ của phụ nữ, các quyền con người của phụ nữ, phụ nữ và các phương tiện truyền thông, phụ nữ và môi trường, trẻ em gái. BPfA đã được phê chuẩn bởi Việt Nam (EIGE 2013).

Liên hợp quốc cũng thông qua Tuyên bố Thiên niên kỷ năm 2000, liệt kê 8 mục tiêu phát triển quốc tế cần đạt được vào năm 2015, trong đó có Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ thứ ba (MDG3) là thúc đẩy BĐG và trao quyền cho phụ nữ, với mục tiêu nhằm giải quyết các vấn đề về việc làm, trả lương, đại diện trong lĩnh vực chính trị, giáo dục hoặc nghèo đói (EIGE 2013). Tiếp đó, tháng 9/2015, Hội nghị Thượng đỉnh Liên hợp quốc về phát triển bền vững đã thông qua Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với 17 mục tiêu. Đây là cơ sở để Việt Nam ban hành các kế hoạch, chiến lược vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Luật Bình đẳng giới (2006) xác định phân đấu có BĐG trên 8 lĩnh vực sau: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá - thông tin -

thể dục thể thao, y tế, đời sống Gia đình. Căn cứ vào Luật Bình đẳng giới, các chiến lược quốc gia theo từng giai đoạn sẽ tập trung vào những nhóm mục tiêu khác nhau do đó sẽ có các lĩnh vực mục tiêu khác nhau.

Chiến lược Quốc gia về BĐG giai đoạn 2011-2020 xác định các nhóm mục tiêu ở 7 lĩnh vực sau: chính trị; kinh tế, lao động, việc làm; giáo dục và đào tạo; chăm sóc sức khỏe; văn hoá và thông tin; đời sống gia đình và bạo lực trên cơ sở giới; năng lực quản lý nhà nước về BĐG. Trong khi đó, Chiến lược Quốc gia về BĐG giai đoạn 2021-2030 tập trung vào các nhóm mục tiêu ở 6 lĩnh vực: chính trị; kinh tế, lao động; đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; y tế; giáo dục, đào tạo; thông tin, truyền thông.

Nhằm cụ thể hóa Chương trình Nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững của quốc tế vào điều kiện Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia vì sự phát triển bền vững (Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017) với 17 mục tiêu phát triển bền vững và 115 mục tiêu cụ thể, và Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2030. Ngày 25 tháng 9 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP về phát triển bền vững, trong đó đưa ra 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam với mục tiêu 5 là “Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái”. Kết quả rà soát các tài liệu cho thấy, một số lĩnh vực về BĐG được thể hiện xuyên suốt trong các văn bản quốc tế và quốc gia gồm: giáo dục, kinh tế - việc làm, y tế - chăm sóc sức khỏe, chính trị, gia đình (trong đó có bạo lực giới), văn hóa và thể thao. Các lĩnh vực này là cơ sở để xây dựng chỉ số thành phần về BĐG.

5. Kinh nghiệm quốc tế

Các nước trên thế giới áp dụng những bộ chỉ số BĐG khác nhau căn cứ vào một số cách tiếp cận trong đó có 2 tiếp cận đã trình bày trên, cũng như vào thực tiễn kinh tế - xã hội cụ thể. Dưới đây trình bày một số vận dụng về việc xây dựng bộ chỉ số BĐG ở 3 khu vực: Liên minh châu Âu, Malaysia và Hàn Quốc.

Liên minh châu Âu: Liên minh châu Âu sử dụng 6 bộ chỉ số thành phần chính về BĐG theo các lĩnh vực: công việc (2 chỉ số thành phần phụ và 5 chỉ số đơn), tiền bạc (2 chỉ số thành phần phụ và 4 chỉ số đơn), kiến thức (2 chỉ số thành phần phụ và 3 chỉ số đơn), thời gian (2 chỉ số thành phần phụ và 4 chỉ số đơn), quyền lực (3 chỉ số thành phần phụ và 8 chỉ số đơn), và sức khỏe (3 chỉ số thành phần phụ và 7 chỉ số đơn). Tổng số có 31 chỉ số đơn. Liên minh châu Âu cũng sử dụng bộ chỉ số về bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ, nói cách khác là tập trung vào quan điểm của phụ nữ. Về mặt khái niệm, lĩnh vực này xem xét bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ, cho rằng bạo lực là một biểu hiện của quyền lực được gắn với sự thống trị của nam giới đối với phụ nữ (EIGE 2013). Từ quan điểm thống kê, lĩnh vực này không thể xử lý tương tự như các lĩnh vực khác vì nó không đo lường khoảng cách giới giữa nam và nữ mà đo lường một hiện tượng chỉ áp dụng cho phụ nữ. Lĩnh vực bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ được chia thành ba chỉ số thành phần và 6 chỉ số đơn (EIGE 2017).

Các báo cáo chuyên đề về BĐG của Liên minh châu Âu đã tập trung vào những vấn đề quan trọng ở từng thời kỳ. Chẳng hạn, trong bối cảnh của xã hội chuyển đổi số, báo cáo năm 2020 tập trung vào ảnh hưởng của quá trình số hóa đến thể giới công việc và những hậu quả đối với BĐG. Chủ đề này đặc biệt liên quan đến đại dịch COVID-19

và cách thức nam giới và phụ nữ lao động. Các loại hình công việc và các cách làm việc sáng tạo thông qua nền tảng trực tuyến được phân tích để nâng cao hiểu biết về nhóm đối tượng đang thực hiện công việc này và mức độ các công việc này thúc đẩy hay cản trở BĐG. Chủ đề số hóa đi sâu vào ba vấn đề. Thứ nhất là cung cấp quan điểm giới về việc sử dụng và phát triển các công nghệ số, khám phá cách nam giới và phụ nữ sử dụng công nghệ, các khuôn mẫu giới trong sự phát triển của các kỹ thuật số, thành phần của lực lượng lao động thúc đẩy sự thay đổi công nghệ. Nội dung thứ hai là xem xét các tác động của chuyển đổi số hóa thị trường lao động vì BĐG. Phần này phân tích triển vọng cho phụ nữ và nam giới khi công nghệ mới thay thế hoặc bổ sung cho lao động, tăng tính linh hoạt trong công việc. Phần cuối cùng thảo luận về ba sự phát triển của công nghệ để minh họa cho ảnh hưởng của chúng đến BĐG gồm việc sử dụng ngày càng nhiều các thuật toán trí tuệ nhân tạo (AI), hiện tượng bạo lực trên mạng đang nổi lên và các cách thức sử dụng công nghệ mới đang làm biến đổi hoạt động chăm sóc

(EIGE 2020).

Malaysia: Chính phủ Malaysia với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã xây dựng chỉ số khoảng cách giới ở Malaysia (MGGI) từ năm 2004. MGGI được thiết kế để giám sát những xu hướng của bất BĐG ở nước này theo thời gian, đánh giá hiệu quả của các can thiệp nhằm lồng ghép hoạt động của phụ nữ vào quá trình phát triển và phục vụ mục đích vận động chính sách (MWFC & UNDP 2007). Từ năm 2019, ngoài chỉ số tổng hợp MGGI chung cho cả nước, MGGI cũng được tính cho từng bang (Department of Statistics Malaysia 2020). MGGI có bốn chỉ số thành phần chính gồm y tế (2 chỉ số đơn), giáo dục (2 chỉ số đơn), hoạt động kinh tế (2

chỉ số đơn) và trao quyền về kinh tế và chính trị cho phụ nữ (3 chỉ số đơn).

Hàn Quốc: Hàn Quốc bắt đầu theo dõi tiến độ đạt được BĐG tại cấp quốc gia và cấp khu vực sau khi xây dựng chỉ số BĐG quốc gia (NGEI) và chỉ số BĐG khu vực lần lượt vào năm 2009 và 2011. NGEI đã được công bố hàng năm kể từ năm 2009, được sử dụng rộng rãi để xác định và phân tích các tình huống hiện tại, tiến bộ và những thành tựu về BĐG, cũng như các lĩnh vực mà bất BĐG diễn ra nghiêm trọng nhất và nguyên nhân của các bất bình đẳng này (Republic of Korea 2015). NGEI được tính bằng cách lấy các chỉ số đại diện và chỉ số về quản lý. Các chỉ số mang tính đại diện cho thấy tình hình và những tiến bộ về BĐG ở Hàn Quốc cũng như mức độ BĐG trong các lĩnh vực khác nhau. Tính đến năm 2013, có 21 chỉ số đơn đại diện trong 8 lĩnh vực hay chỉ số thành phần khác nhau, cụ thể là: gia đình (2 chỉ số đơn), phúc lợi (3 chỉ số đơn), sức khỏe (3 chỉ số đơn), tham gia hoạt động kinh tế (3 chỉ số đơn), ra quyết định (3 chỉ số đơn), giáo dục và đào tạo việc làm (3 chỉ số đơn), văn hóa và thông tin (2 chỉ số đơn), và an ninh (2 chỉ số đơn) (Republic of Korea 2015). Ngoài ra, các chỉ số quản lý được sử dụng như một cách tiếp cận chính sách để giám sát và cải thiện việc thực hiện mục tiêu BĐG trong từng lĩnh vực (còn được gọi là chỉ số hành chính). Trong các chỉ số quản lý/hành chính, có những chỉ số không tạo ra giá trị so sánh giữa nam và nữ (tỷ lệ nữ/nam) nhưng cần thiết để nâng cao vị thế của phụ nữ, ví dụ như các chỉ số dành riêng cho phụ nữ.

Như vậy, điểm chung từ việc phân tích kinh nghiệm xây dựng chỉ số BĐG ở các nước là cần căn cứ vào một số khung tiếp cận chung, đồng thời dựa vào bối cảnh kinh tế - xã hội ở từng xã hội cũng như từng thời kỳ cụ thể để xác định các chỉ số giới thành phần (hay là các lĩnh vực BĐG) và xây dựng

hệ thống chỉ số BĐG phù hợp. Chẳng hạn, cần quan tâm đến quan hệ giới trong bối cảnh chuyển đổi số. Ngoài ra, một số chỉ số, tuy không so sánh trực tiếp giữa nam và nữ nhưng có ý nghĩa quan trọng vì có tác động đến mối quan hệ giới, vẫn được xem xét (chẳng hạn như bộ chỉ số Bạo lực trên cơ sở giới). Số lượng các chỉ số BĐG cũng không nên quá lớn, gây khó khăn cho công tác quản lý.

6. Khung phân tích cho bộ chỉ số về bình đẳng giới ở Việt Nam

Từ việc xác định các khái niệm cơ bản và cách tiếp cận, cũng như phân tích cơ sở pháp lý và kinh nghiệm xây dựng chỉ số BĐG của quốc tế, bộ chỉ số về BĐG ở Việt Nam cần bảo đảm đo lường được:

Sự khác biệt trong tham gia, hưởng lợi, đầu ra, và tác động tới nữ giới, nam giới.

Thay đổi về quan hệ giới theo hướng bình đẳng hoặc bất bình đẳng giữa nữ giới và nam giới.

Sự thay đổi về BĐG ở các phạm vi quốc gia, vùng và tỉnh.

Giám sát, thực hiện các cam kết quốc tế và chiến lược về BĐG.

Bộ Chỉ số BĐG cần gắn kết với các mục tiêu cụ thể của Chiến lược BĐG 2021-2030 và bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia (theo Thông tư số 10 /2019/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Chiến lược BĐG 2021-2030 có 6 lĩnh vực như đã trình bày ở trên. Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia 2019 có các lĩnh vực sau: dân số và nhân khẩu học; lao động, việc làm và tiếp cận với các nguồn lực; lãnh đạo, quản lý; giáo dục và đào tạo; y tế và các dịch vụ có liên quan; bạo lực trên cơ sở giới, an toàn xã hội. Những chỉ tiêu được thể hiện trong

Chiến lược BĐG 2021-2030 và bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia hiện hành về cơ bản có thể đáp ứng nhu cầu nắm bắt thực trạng và xu hướng phát triển của BĐG theo thời gian và không gian, phục vụ cho việc thực hiện Chiến lược kinh tế - xã hội và Chiến lược an sinh quốc gia nói chung. Tuy nhiên, còn thiếu một số chỉ tiêu phản ánh tính toàn diện của sự phát triển quốc gia, cụ thể là vấn đề giới ở các lĩnh vực như khoa học, sự hưởng thụ văn hóa, thực trạng tiếp cận với công nghệ trong bối cảnh xã hội số, vấn đề định kiến giới hay quản lý nhà nước về BĐG, v.v..

Ngoài ra, có sự khác biệt nhất định giữa các chỉ tiêu trong bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia 2019 và Chiến lược BĐG 2021-2030. Chẳng hạn, trong số 20 chỉ tiêu của Chiến lược BĐG 2021-2030 chỉ có 10 chỉ tiêu có thể lấy được thông tin trực tiếp từ bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia 2019 để tính toán. Cụ thể là về cơ quan quản lý nhà nước có lãnh đạo chủ chốt, tỷ số giới tính khi sinh, tỷ lệ tử vong bà mẹ, tỷ lệ làm công ăn lương, tỷ trọng làm trong khu vực nông nghiệp, tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số hoàn thành bậc tiểu học và trung học cơ sở, tỷ lệ nữ thạc sĩ và tiến sĩ, số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc gia đình không được trả công, tỷ lệ người bị bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ cơ bản. Các chỉ tiêu về giới nêu ở hai văn bản trên nói chung đều có liên hệ với an sinh xã hội, tuy nhiên cần lựa chọn các chỉ tiêu được coi là có mối quan hệ mật thiết nhất với việc bảo đảm an sinh xã hội để làm cơ sở xây dựng bộ chỉ số BĐG.

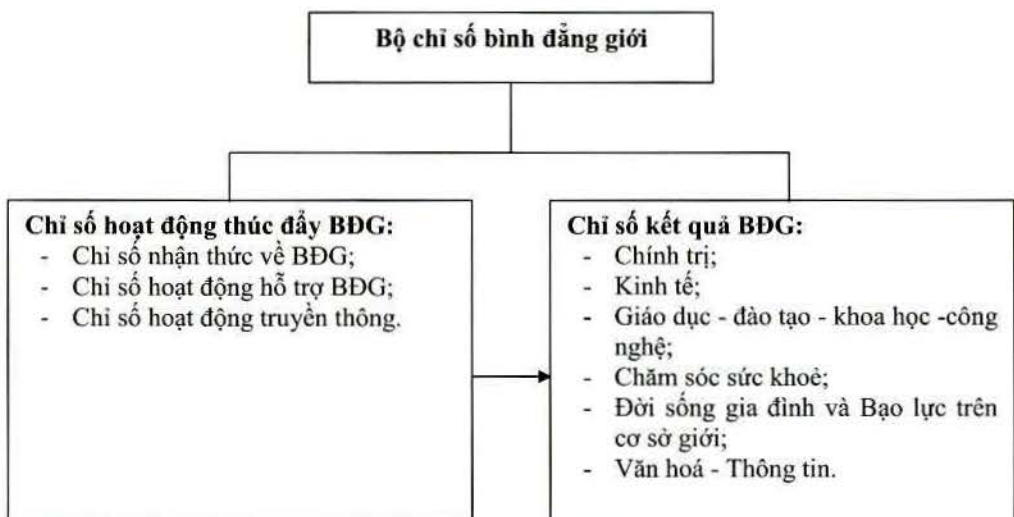
Từ một khía cạnh khác, trong cả Chiến lược BĐG 2021-2030 và bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia 2019, các chỉ tiêu về giới chủ yếu được trình bày theo lĩnh vực, chưa phân biệt rõ giữa các chỉ tiêu phản ánh kết quả BĐG (gắn với việc xây dựng chỉ

số thụ hưởng) và các chỉ tiêu đo lường hoạt động quản lý, dịch vụ thúc đẩy BĐG (gắn với chỉ số hoạt động thúc đẩy BĐG). Những vấn đề này cần được quan tâm trong việc xây dựng bộ chỉ số BĐG. Từ các phân tích trên bài viết này đề xuất xây dựng bộ Chỉ số BĐG bao gồm nhóm chỉ số kết quả BĐG và nhóm chỉ số hoạt động thúc đẩy BĐG. Chỉ số kết quả BĐG phản ánh sự thay đổi về chất trong các lĩnh vực thông qua sự thay đổi tỷ lệ đại diện của phụ nữ/nam giới ở những lĩnh vực đó và đây là bộ công cụ cơ bản đo lường kết quả việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội từ khía cạnh giới. Dựa trên những phân tích về lý thuyết và thực tiễn nêu trên có thể đưa ra các lĩnh vực kết quả BĐG hay các chỉ số thành phần BĐG sau: chính trị, kinh tế, giáo dục - đào tạo - khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe, đời sống gia đình, bạo lực trên cơ sở giới và an toàn xã hội, văn hoá - thông tin.

Để đạt được các kết quả về BĐG thì cần tiến hành các hoạt động xây dựng môi

trường thúc đẩy BĐG. Việc triển khai chính sách liên quan đến BĐG của các tổ chức chính quyền và đoàn thể xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ cũng như truyền thông sẽ tạo điều kiện để nâng cao nhận thức về BĐG của cán bộ và nhân dân, từ đó có sự thống nhất hành động nhằm đạt được các mục tiêu BĐG. Như vậy, các chỉ số hoạt động thúc đẩy BĐG có thể gồm: chỉ số nhận thức về BĐG, chỉ số về hoạt động hỗ trợ của các tổ chức chính quyền, tổ chức đoàn thể nhằm thúc đẩy BĐG, chỉ số hoạt động truyền thông. Các chỉ số hoạt động thúc đẩy BĐG đo số lượng các hoạt động/số sản phẩm/số lượng cơ sở, v.v đã thực hiện/được thực hiện và/hoặc số người chịu tác động của các hoạt động đó (ví dụ thay đổi nhận thức về BĐG, được tập huấn, tham gia, v.v.) có ý nghĩa thúc đẩy việc đạt được các kết quả BĐG. Có thể hình dung khung phân tích Chỉ số BĐG như dưới đây.

Hình: Khung phân tích bộ chỉ số bình đẳng giới



7. Kết luận

Bộ chỉ số về BDG gồm các chỉ số tổng hợp được xây dựng dựa trên các chỉ số thành phần, chỉ số đơn. Các chỉ số tổng hợp phải bảo đảm được rằng đã bao gồm những chỉ số thành phần và chỉ số đơn quan trọng nhất, tiêu biểu cho một vấn đề giới nào đó. Căn cứ vào các cách tiếp cận bình đẳng và năng lực cũng như kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam, bài viết đã đề xuất một Khung phân tích xây dựng bộ chỉ số BDG gồm hai khối là chỉ số hoạt động thúc đẩy BDG và chỉ số kết quả BDG. Với mỗi khối sẽ có một số chỉ số thành phần và đó là cơ sở để xác định các chỉ số đơn về BDG phù hợp sau này. Chỉ số Hoạt động thúc đẩy BDG bao gồm 3 chỉ số thành phần và chỉ số Kết quả BDG có 6 chỉ số thành phần. Vai trò của hai khối chỉ số này là khác nhau; chỉ số Hoạt động thúc đẩy BDG tạo điều kiện để đạt được chỉ số kết quả BDG, mục tiêu mà xã hội hướng tới.

Việc xây dựng bộ chỉ số về BDG là một vấn đề mới ở Việt Nam. Làm sao để bộ chỉ số về BDG đảm bảo phục vụ được mục tiêu quản lý có hiệu quả quá trình thực hiện Chiến lược BDG cũng như các chiến lược an sinh quốc gia, đồng thời là một bộ chỉ số dễ thực hiện, khả thi, là một nhiệm vụ không hề dễ dàng. Một số vấn đề phương pháp luận nêu trên là những nỗ lực bước đầu nhằm xây dựng bộ chỉ số về BDG thực hiện mục tiêu BDG thực chất ở Việt Nam.

* Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp bộ “Xây dựng bộ chỉ số về bình đẳng giới” thuộc Chương trình khoa học “Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện.

Tài liệu trích dẫn

Baker Jonh, Lynch Kathleen, Cantillon Sara, Walsh Judy. 2004. *Equality: From Theory to Action*. Basingstoke: Palgrave Macmillan.

Boulanger Paul-Marie. 2008. “Sustainable development indicators: A scientific challenge, a democratic issue”. *SAPIENS* 1(1).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2019. “Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT, ngày 30/7/2019, Quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia”. *Công thông tin thư viện pháp luật* (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-10-2019-TT-BKHDT-quy-dinh-ve-Bo-chi-tieu-thong-ke-phat-trien-gioi-cua-quoc-gia-421165.aspx>). Truy cập tháng 10 năm 2021.

Bộ Thông tin và Truyền thông. 2014. *Bộ chỉ số về giới trong truyền thông*.

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2020. *Nghị quyết số: 136/NQ-CP về phát triển bền vững*.

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2021. “Nghị quyết số 28/NQ-CP ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030”. *Công thông tin điện tử Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

(http://www2.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/oidungchienluocphat trienkinhtexahoi?_piref33_14725_33_14721_14721.strutsAction=ViewDetailAction.do&_piref33_14725_33_14721_14721.docid=5060&_piref33_14725_33_14721_14721.substract=)). Truy cập tháng 10 năm 2021.

Department of Statistics Malaysia. 2020. “Statistics On Women Empowerment In Selected Domains, Malaysia, 2020”. *Department of Statistics Malaysia Official Portal* (https://www.dosm.gov.my/v1/index.php?r=column/cthemeByCat&cat=444&bul_id=QlliTUxPQnhrR2tVa2kyOFpkWmhaZz09&menu_id=L0pheU43NWJwRWVVSZklWdzQ4TlhUUT09). Truy cập tháng 7 năm 2021.

EIGE. 2013. “Gender Equality Index Report”. *European Institute for Gender Equality* (<https://eige.europa.eu/publications/gender-equality-index-report>). Truy cập tháng 5 năm 2021.

EIGE. 2017. “Gender Equality Index 2017: Methodology Report”. *European Institute for Gender Equality* (<https://eige.europa.eu/publications/gender-equality-index-2017-methodological-report>). Truy cập tháng 5 năm 2021.

- EIGE. 2020. "Gender Equality Index 2020: Digitalisation and the future of work". *European Institute for Gender Equality* (<https://eige.europa.eu/publications/gender-equality-index-2020-digitalisation-and-future-work>). Truy cập tháng 5 năm 2021.
- Fraser Nancy. 1997. *Justice Interruptus: Critical Reflections on the 'Postsocialist' Condition*. New York: Routledge.
- Long Hồ. 2021. "Việt Nam đứng đầu trong Hội đồng Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội". *Trang tin điện tử Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh* (<https://thanhuyp HCM.vn/tin-tuc/viet-nam-dung-dau-trong-hoi-dong-lien-minh-nghi-vien-hiep-hoi-cac-nuoc-dong-nam-a-ve-ty-le-nu-dai-bi-1491880652>). Truy cập tháng 8/2022.
- MWFC, UNDP. 2007. "Measuring and monitoring gender equality. Malaysia's Gender Gap Index". *Malaysia, Singapore & Brunei Darussalam* (https://www.my.undp.org/content/malaysia/en/home/library/womens_empowerment/MGGI.html). Truy cập tháng 5 năm 2021.
- Nussbaum Martha. 2003. "Capabilities as fundamental Entitlements: Sen and Social Justice". *Feminist Economics* 9: 33-59.
- Pascall Gillian., & Lewis Jane. 2004. "Emerging gender regimes and policies for gender equality in a wider Europe". *Journal of Social Policy*, 33(3): 373-394.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2006. "Luật Bình đẳng giới 2006". *Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=28975). Truy cập tháng 10 năm 2021.
- Republic of Korea. 2015. "National Review on the implementation of the Beijing Declaration and Platform for Action (1995) and the outcomes of the twenty-third special session of the General Assembly (2000) in the context of the twentieth anniversary of the Fourth World". Presented at the *Conference on Women and the adoption of the Beijing Declaration and Platform for Action*. United Nations Headquarters in New York from 9 to 20 March 2015.
- Robeyns Ingrid. 2003. "Sen's Capability Approach and Gender Inequality: Selecting Relevant Capabilities". *Feminist Economics* 9(2): 61-92.
- Robeyns, Ingrid. 2007. "When will society be gender just?" pp. 54-76 in *The Future of Gender*, edited by J. Browne. Cambridge University Press.
- Sen Amartya. 1980. "Equality of What?" pp. 195-220 in *The Tanner Lectures on Human Values*, edited by McMurrin, Sterling M. Cambridge University Press.,
- Sen Amartya. 1993. "Capability and Wellbeing" pp. 30-53 in *The Quality of Life*, edited by M. Nussbaum, & A. Sen. Oxford: Clarendon Press. <https://doi.org/10.1093/0198287976.003.0003>.
- Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2010. *Quyết định số 2351/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020*.
- Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2017. *Quyết định số 622/QĐ-TTg về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*.
- Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2019. "Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 về lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2030".
- UN (United Nations). 2007. *Indicators of sustainable development: Guidelines and methodologies*. United Nations, New York
- UN Women, ADB, ILO, AusAID. 2021. "Tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam 2021". *United Nations Vietnam* (https://vietnam.un.org/sites/default/files/2021-12/CGEP_Full_report_Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t.pdf). Truy cập tháng 10 năm 2021.
- World Economic Forum. 2018. *The Global Gender Gap report 2018*. World Economic Forum, Geneva, Switzerland.